

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 323/2019/DS-PT
Ngày: 28 - 11 - 2019
V/v “Tranh chấp thừa kế tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải Hà

Các Thẩm phán:

Ông Phạm Việt Trung

Ông Nguyễn A Đam

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Kim Yến là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Màu - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 281/2019/TLPT-DS ngày 05 tháng 11 năm 2019 về việc “Tranh chấp thừa kế tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 144/2019/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 257/2019/QĐ-PT ngày 12 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lâm Phi C1, sinh năm 1950.

Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, thành phố C, tỉnh C.

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Chí T, sinh năm 1972 (có mặt)

Địa chỉ: Số 215, đường N, khóm 8, phường 5, thành phố C, tỉnh C .

- Bị đơn: Ông Lâm Văn H, sinh năm 1971 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã L, thành phố C, tỉnh C.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Ngô Đình C2 – Văn phòng luật sư Ngô Đình C2 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Cà Mau (có mặt)

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Huỳnh Thị Thu E, sinh năm 1967 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã L, thành phố C, tỉnh C.

- Người kháng cáo: Ông Trần Chí T, ông Lâm Văn H, bà Huỳnh Thị Thu E.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Ông Trần Chí T là người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:* Cha ông Lâm Phi C1 là cụ Lâm Thành Văn (liệt sĩ, hy sinh năm 1954), mẹ là cụ Lê Thị Gàn (Lê Gàn), sinh năm 1923 (chết năm 2016) chung sống với nhau có 01 người con là ông Lâm Phi C1. Sau khi cụ Văn hy sinh thì cụ Gàn tái giá với cụ Huỳnh Văn Còn, cụ Gàn và cụ Còn sống với nhau không có con nên xin người con nuôi đặt tên là Lâm Văn H vào năm 1971. Đến năm 1973 cụ Huỳnh Văn Còn chết nên gia đình ông C1 chỉ còn cụ Gàn, ông C1 và ông H.

Trước năm 1975, cụ Gàn có mua phần đất tại ấp Thạnh Điền, xã Lý Văn Lâm, thị xã Cà Mau, tỉnh Minh Hải. Đến năm 1990 UBND thị xã Cà Mau, tỉnh Minh Hải cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A045174 ngày 12/03/1990 do cụ Lê Thị Gàn đứng tên với tổng diện tích 23.550m² (trong đó đất ở 500m², đất vườn 5500m²; đất trồng lúa 17.550m²) tại thửa đất số 255, 256, tờ bản đồ số 06. Trên đất cụ Lê Thị Gàn có cất một căn nhà lá chiều ngang 6m x chiều dài 5,5m, diện tích 33m². Năm 1992 ông C1 và cụ Gàn được bảo lãnh qua Úc sinh sống, trước khi đi Úc sinh sống cụ Gàn có lập giấy ủy quyền giao cho ông Hoà căn nhà của cụ Gàn xây để ở và giao cho ông H giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để tạm thời quản lý toàn bộ phần đất do cụ Gàn đứng tên.

Ngày 24/03/2004 tại Phòng công chứng số 1 tỉnh Cà Mau cụ Lê Thị Gàn có lập bản di chúc cho ông Lâm Phi C1 được hưởng toàn bộ phần diện tích đất 23.550m² với điều kiện khi nào ông C1 về Việt Nam định cư hoặc đầu tư thì ông Lâm Văn H có trách nhiệm bàn giao toàn bộ phần đất trên lại cho ông C1.

Sau đó, do ông H cầm cố giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cụ Gàn để vay tiền không có khả năng chi trả nên ông C1 và cụ Gàn có bán một phần đất trồng lúa diện tích 6.480m² cho ông Chu Hồng Hà vào ngày 30/03/2004. Phần diện tích đất còn lại là 17.070m².

Ngày 18/08/2016 cụ Gàn qua đời, đến ngày 05/02/2018 ông C1 được cấp trích lục bổ sung hộ tịch Quốc tịch Australia - Việt Nam; Ngày 08/02/2018 ông C1 được thường trú vào hộ khẩu của ông Lâm Đức Mừng, địa chỉ: Ấp B, xã Đ, thành phố C, tỉnh C và được Công an tỉnh Cà Mau cấp giấy chứng minh nhân dân. Ông C1 có yêu cầu ông Lâm Văn H và vợ là bà Huỳnh Thị Thu E giao phần đất còn lại 17.070m² theo di chúc của cụ Gàn nhưng ông H và bà E không đồng ý.

Nay ông Lâm Phi C1 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lâm Văn H và bà Huỳnh Thị Thu E phải có trách nhiệm giao lại cho ông phần diện tích đất 23.550m² đã nêu trong di chúc lập ngày 24/3/2004, trừ phần đất đã chuyển nhượng cho ông Chu Hồng Hà có diện tích 6.480m² và phần diện tích đất ông C1 đồng ý để lại cho ông H là 3.770m². Phần đất còn lại ông C1 yêu cầu ông H và bà E phải giao trả có diện tích là 14.259,5m² (Theo trích đo hiện trạng ngày 23/8/2019).

Đối với phần đất có diện tích 3.770m^2 , ông C1 để lại cho ông Lâm Văn H do có công bảo quản, gìn giữ tài sản được xác định như sau: Diện tích đất ở tại nông thôn (ONT), đất trồng cây lâu năm (CLN) có diện tích 705m^2 (chiều ngang 10m, chiều dài 70.50m), trên phần đất này có hai căn nhà hiện hữu và phần đất trồng lúa nước (LUC) nằm liền kề với phần đất vườn có diện tích 3.065m^2 (chiều ngang 69.66m, chiều dài 44m).

* *Bị đơn là ông Lâm Văn H trình bày:* Cha ông tên Huỳnh Văn Còn, sinh năm 1923 (chết năm 1973), mẹ ông là cụ Lê Thị Gằn (Lê Gằn), sinh năm 1923 (chết năm 2016). Lúc sinh thời cha mẹ ông có tạo lập được phần đất tổng diện tích 23.550m^2 (trong đó đất ONT: 500m^2 , CLN: 5500m^2 ; LUC: 17.550m^2) tại thửa đất số 255, 256, tờ bản đồ số 06, do mẹ ông đứng tên theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A045174 ngày 12/03/1990 do UBND thị xã Cà Mau, tỉnh Minh Hải cấp. Năm 1992 mẹ ông qua Úc định cư có giao cho ông quản lý và canh tác trên toàn bộ phần đất này.

Năm 2016 mẹ ông qua đời thì ông Lâm Phi C1 là anh em cùng mẹ khác cha với ông có cho ông biết vào ngày 24/03/2004 tại Phòng Công Chứng số 1 tỉnh Cà Mau mẹ ông là cụ Gằn có lập bản di chúc cho ông Lâm Phi C1 được hưởng toàn bộ phần diện tích đất 23.550m^2 với điều kiện khi nào ông C1 về Việt Nam định cư hoặc đầu tư thì ông có trách nhiệm bàn giao toàn bộ phần đất trên lại cho ông C1.

Nay ông C1 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông và vợ ông bà Huỳnh Thị Thu E phải có trách nhiệm giao lại cho ông C1 phần đất có diện tích 23.550m^2 đã nêu trong di chúc lập ngày 24/3/2004, trừ phần đất đã chuyển nhượng cho ông Chu Hồng Hà có diện tích 6.480m^2 và phần đất ông C1 đồng ý để lại cho ông diện tích 3.770m^2 . Phần đất còn lại ông C1 yêu cầu ông và bà E phải giao trả có diện tích là $14.259,5\text{m}^2$ ông không đồng ý vì di chúc ngày 24/03/2004 tại Phòng công chứng số 1 tỉnh Cà Mau mẹ ông là cụ Gằn lập là không đúng sự thật. Ông yêu cầu phần đất còn lại diện tích $17.684,5\text{m}^2$ (đã trừ phần đất chuyển nhượng 6.480m^2 , phần ngôi mộ 350m^2) chia đôi mỗi người được hưởng 1/2 để ông thờ cúng ông bà.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Huỳnh Thị Thu E trình bày:* Bà thống nhất ý kiến trình bày của ông Lâm Văn H. Bà không có ý kiến gì trình bày thêm.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 144/2019/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau quyết định:

Căn cứ các Điều 26, 147, 157, 158 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 623, 624, 626, 627, 628, 630, 631, 635 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 12, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Giao phần đất có diện tích $10.392,46m^2$. Trong đó: $2.445,36m^2$ (ONT: $350m^2$, CLN: $2.095,36m^2$); LUC: $7.947,1m^2$ tại thửa số 255, 256, tờ bản đồ số 06 của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 12/03/1990 đứng tên Lê Thị Gân tọa lạc tại ấp T, xã L, thành phố C, tỉnh C. theo bản vẽ ngày 23/8/2019 cho ông Lâm Phi C1 quản lý, sử dụng và nhận số tiền 1.434.829.400 đồng từ ông H giao lại. Hiện phần đất trên do ông H, bà Thu Em quản lý có trách nhiệm giao lại. Phần đất có tứ cận:

Đối với đất ONT + CLN:

- + Phía Đông giáp Kinh chính viên cạnh mặt tiền ngang 32.00m;
- + Phía Tây giáp phần đất LUC (chia ông H) cạnh mặt hậu ngang 37.00m;
- + Phía Nam giáp phần đất ông Phạm Thành Sỹ cạnh dài 70.9m;
- + Phía Bắc giáp phần đất giao ông H cạnh dài 70.87m.

Đối với đất LUC:

- + Phía Đông giáp phần đất LUC giao ông H cạnh ngang 38.88m;
- + Phía Tây giáp Kinh thủy lợi cạnh ngang 35.3m;
- + Phía Nam giáp phần đất ông Chu Hồng Hà cạnh dài 216m;
- + Phía Bắc giáp phần đất ông Nguyễn Văn Dũng cạnh dài 216.36m.

- Giao phần đất có diện tích $7.231,44m^2$. Trong đó: $2.523,44m^2$ ONT + CLN (ONT: $150m^2$ + CLN: $2.373,44m^2$); LUC: $4.708m^2$ tại thửa số 255, 256, tờ bản đồ số 06 của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 12/03/1990 đứng tên Lê Thị Gân tọa lạc tại ấp T, xã L, thành phố C, tỉnh C. theo bản vẽ ngày 23/8/2019 cho ông Lâm Văn H quản lý, sử dụng. Ông H có trách nhiệm hoàn trả cho ông Lâm Phi C1 số tiền 1.434.829.400 đồng (Giá trị tương ứng phần đất chênh lệch). Phần đất có tứ cận:

Đối với đất ONT + CLN:

- + Phía Đông giáp Kinh chính viên cạnh ngang 38.82m;
- + Phía Tây giáp phần đất LUC (chia ông H) cạnh ngang 32.66m;
- + Phía Nam giáp phần ông C1 được nhận cạnh dài 70.87m;
- + Phía Bắc giáp phần đất bà Lê Kim Tiếng cạnh dài 70.50m.

Đối với đất LUC:

- + Phía Đông giáp phần đất ONT + CLN (ông H, ông C1 nhận) cạnh ngang 69.66m;
- + Phía Tây giáp một phần đất ông Hà, ông C1 được nhận cạnh ngang 68.88m;
- + Phía Nam giáp phần đất ông Phạm Thành Sỹ cạnh dài 71.11m;
- + Phía Bắc giáp phần đất ông Nguyễn Văn Dũng cạnh dài 65,20m.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 09/10/2019, ông Trần Chí T kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn; Buộc ông H và bà Thu Em phải giao lại cho ông C1 phần diện tích đất được nêu trong bản di chúc ngày 24/3/2004, qua đo đạc thực tế là $24.514,5m^2 - 6.480m^2$ (đã chuyển nhượng) – $3.770m^2$ (đất cho ông H) – $32,43m^2$ (đất mồ mã và lối đi chung) = $14.232,07m^2$, cụ thể:

Phần đất $3.770m^2$ để lại cho ông Lâm Văn H do có công bảo quản, gìn giữ tài sản, vị trí theo trích đo hiện trạng lập ngày 23/8/2019 như sau: Đất thổ cư và đất vườn diện tích $705m^2$ (chiều ngang 10m x chiều dài 70,5m) trong đó đất ONT là $150m^2$, CLN là $555m^2$. Vị trí xác định: Chiều ngang tính từ mép vách (hướng nam) nhà chính ông Lâm Văn H đo về hướng bắc 10m. Chiều dài tính từ mép lộ giao thông (hướng đông) đo về hướng tây của phần đất 70,5m); Đất ruộng diện tích $3.065m^2$ (ngang hết phần đất 69,66m x 44m). Vị trí xác định: hướng đông giáp đất vườn của ông Lâm Phi C1 và ông Lâm Văn H, hướng tây giáp đất ruộng của ông Lâm Phi C1, hướng nam giáp phần đất của ông Phạm Thành Sỹ, hướng bắc giáp phần đất của bà Lê Kim Tuyến và đất của ông Nguyễn Văn Dũng.

Yêu cầu ông Lâm Văn H, bà Huỳnh Thị Thu E phải tháo dỡ, di dời công trình xây dựng như mái che, nhà phụ, nhà kho và chuồng gà ra khỏi phần đất còn lại của ông Lâm Phi C1.

Ngày 10/10/2019, ông Lâm Văn H và bà Huỳnh Thị Thu E kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Phi C1. Chuyển hồ sơ vụ án sang Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Cà Mau làm rõ việc ông C1 cấu kết với người khác làm di chúc giả nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản của ông H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của những người tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo nội dung kháng cáo, ông H cho rằng phần đất diện tích $23.550m^2$ là của cha ông, cụ Gân thừa hưởng phần đất và cụ Gân rất quan tâm chăm lo cho ông nên không thể có việc lập di chúc mà không cho đất ông, thấy rằng: Quyền sử

dụng đất diện tích 23.550m² được cấp cho cụ Gân vào năm 1990, ông H thừa nhận việc này. Ngày 27/6/1992 cụ Gân lập di chúc với nội dung giao cho ông C1 được hưởng và trọn quyền quyết định đối với nhà và đất của cụ, ông C1 phải cho ông H một phần đất để làm ăn sinh sống, phần đất bao nhiêu thì do ông C1 định đoạt (BL 101), mặc dù nội dung trong di chúc lập năm 2004 không thể hiện việc cụ Gân yêu cầu ông C1 cho lại ông H một phần đất để làm ăn sinh sống nhưng ông C1 đã thực hiện ý chí trước đây của cụ Gân cho ông H một phần quyền sử dụng đất mà ông C1 được hưởng. Việc cụ Gân định đoạt quyền sử dụng đất của cụ như thế nào là quyền của cụ, bị đơn cho rằng cụ Gân quan tâm và chăm lo cho ông mà lại không cho đất ông là ý kiến chủ quan của ông. Thực tế phía nguyên đơn cũng đồng ý chia cho bị đơn một phần đất để ở và làm ăn sinh sống đúng theo ý chí của di chúc năm 1992. Việc phía ông C1 xác định di chúc năm 2004 được làm là do di chúc năm 1992 do phía ông H giữ, ông C1 không biết, ông H cũng thừa nhận di chúc năm 1992 là do ông cung cấp cho Tòa án. Tại phiên tòa ông H yêu cầu Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa xác minh lại di chúc năm 2004 do ông C1 cung cấp nếu được lưu giữ tại phòng công chứng thì ông thừa nhận di chúc. Qua xác minh tại phòng công chứng số 1 tỉnh Cà Mau thể hiện nội dung di chúc năm 2004 được lưu giữ tại phòng công chứng và việc không ghi quyền số mấy thì không ảnh hưởng gì do thời điểm năm 2004 không quy định phải ghi. Như vậy, ông C1 yêu cầu chia thừa kế di chúc năm 2004 là có căn cứ.

[2] Xét di chúc lập ngày 24/3/2004 của cụ Lê Thị Gân (BL 143-144), thấy rằng: Di chúc được chứng thực hợp pháp, nội dung di chúc không trái với quy định pháp luật, thời điểm lập di chúc thì cụ Gân được Tổ chức giám định pháp y tâm thần tỉnh Cà Mau xác nhận có đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, do đó, di chúc của cụ Gân là hợp pháp. Việc bị đơn cho rằng di chúc này không hợp pháp do cụ Gân không về Việt Nam vào năm 2004 nhưng không có căn cứ chứng minh, trong khi đó, Phòng quản lý xuất nhập cảnh xác định không có thông tin cấp hộ chiếu Việt Nam và thông tin xuất nhập cảnh nên không có cơ sở xác định cụ Gân không về Việt Nam vào năm 2004. Mặt khác, vào năm 2004, cụ Gân còn làm thủ tục chuyển nhượng một phần đất diện tích 6.480m² cho ông Chu Hồng Hà và đã được cơ quan chức năng điều chỉnh quyền sử dụng đất theo quyết định số 1733/QĐ.UB ngày 30/3/2004 của Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau (BL 23). Do đó bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C1 là có cơ sở.

[3] Việc ông H và bà Thu Em yêu cầu chuyển hồ sơ cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Cà Mau điều tra làm rõ việc ông C1 câu kết với người khác làm di chúc giả nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản của ông H, xét thấy: Bị đơn chỉ nghi ngờ tính hợp pháp của di chúc, không có tài liệu chứng cứ gì để chứng minh là có việc ông C1 làm giả di chúc để chiếm đoạt tài sản và tại phiên tòa thì phía bị đơn cũng đã yêu cầu Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để xác minh tính hợp pháp của di chúc và Tòa án đã chấp nhận tạm ngừng phiên tòa xác minh theo yêu

cầu của ông H, kết quả xác minh như nhận định nêu trên. Do đó không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của phía bị đơn.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn về việc chỉ đồng ý giao cho bị đơn phần đất diện tích 3.770m^2 , không đồng ý diện tích $7.231,44\text{m}^2$ như án sơ thẩm tuyên xử. Thấy rằng: Phần đất theo đo đạc thực tế là $24.514,5\text{m}^2$, ông C1 đồng ý cho ông H diện tích là 3.770m^2 , trừ phần đất giao thông là $410,6\text{m}^2$, trừ phần đất chuyển nhượng cho ông Chu Hồng Hà là 6.480m^2 . Diện tích còn lại là $13.853,9\text{m}^2$ là phần đất còn lại của ông C1 được hưởng. Xét ông H đã xây dựng nhà kiên cố trên phần đất tại vị trí giữa đất nên việc chia và nhận đất gặp khó khăn khi thi hành án, ảnh hưởng đến căn nhà của ông H và căn nhà này ông H cũng làm nơi thờ cúng cha mẹ. Tuy nhiên, vẫn còn phần đất giáp đất bà Lê Kim Tiếng còn trống chưa sử dụng nên cần chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông C1, sửa án sơ thẩm điều chỉnh và giao lại cho ông C1 ngang 6m chạy dài $135,70\text{m}^2$, nên tổng diện tích ông C1 được nhận là $11.206,66\text{m}^2$, ông H được nhận phần đất liên quan đến công trình trên đất diện tích là $6.417,24\text{m}^2$ (Ông C1 cho 3.770m^2 , chênh lệch $2.647,24\text{m}^2$ do liên quan đến công trình trên đất). Buộc ông H phải giao trả lại cho ông C1 số tiền $1.094.186.000$ đồng là giá trị phần đất được nhận diện tích $2.647,24\text{m}^2$.

Án phí dân sự sơ thẩm ông C1 được miễn do là người cao tuổi và có thân nhân là liệt sĩ. Ông H phải chịu án phí sơ thẩm đối với phần đất được nhận là $6.417,24\text{m}^2$, tính theo chứng thư thẩm định giá, cụ thể: đất ONT 150m^2 đơn giá 650.000đ , đất CLN $1.950,44\text{m}^2$ đơn giá 440.000đ , đất LUC $4.316,8\text{m}^2$ đơn giá 395.000đ , ông H phải chịu án phí là $85.217.000\text{đ}$.

[5] Từ những phân tích trên, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông ông Lâm Văn H, bà Huỳnh Thị Thu E, chấp nhận một phần kháng cáo của ông Trần Chí T, do kháng cáo không được chấp nhận nên ông H và bà Thu Em phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định. Ông C1 không phải chịu án phí phúc thẩm.

[6] Như phân tích trên, không chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[7] Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Lâm Văn H, bà Huỳnh Thị Thu E, Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Trần Chí T. Sửa bản án sơ thẩm số 144/2019/DS-ST ngày 25/9/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Phi C1.

- Giao phần đất có diện tích 11.206,66m² tại thửa số 255, 256, tờ bản đồ số 06 của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Lê Thị Gân được UBND thị xã Cà Mau cấp ngày 12/03/1990 tọa lạc tại ấp T, xã L, thành phố C, tỉnh C . cho ông Lâm Phi C1 quản lý, sử dụng. Hiện phần đất trên do ông Lâm Văn H, bà Huỳnh Thị Thu E quản lý, ông H và bà Thu Em có trách nhiệm giao lại cho ông C1. Phần đất có tứ cận như sau:

Đối với đất ONT + CLN + LUC:

Phần thứ nhất gồm các điểm M3M3'N2N1, diện tích 814,2m², vị trí cụ thể:

+ Phía Đông giáp lộ nhựa cạnh mặt tiền ngang 6m (M3M3');

+ Phía Tây giáp phần đất LUC (ông C1 được nhận) cạnh mặt hậu ngang 06m (N1N2);

+ Phía Nam giáp phần đất ông H được nhận dài 135,7m (M3'N2);

+ Phía Bắc giáp phần đất bà Lê Kim Tiếng và Nguyễn Văn Dũng dài 135,7m (M3N1);

Và phần đất thứ 2 gồm các điểm M6'M6N5N4, vị trí cụ thể:

+ Phía Đông giáp lộ nhựa cạnh mặt tiền ngang 32.00m (M6M6');

+ Phía Tây giáp phần đất LUC (chia cho ông H) cạnh mặt hậu ngang 37.00m (N4N5);

+ Phía Nam giáp phần đất ông Phạm Thành Sỹ cạnh dài 70.9m (M6N6);

+ Phía Bắc giáp phần đất giao ông H cạnh dài 70.87m (M6'N4);

Đối với đất LUC: Gồm các điểm N1N7M1'M1, vị trí cụ thể:

+ Phía Đông giáp phần đất LUC giao ông H và ông C1 ngang 38.88m (N1N7);

+ Phía Tây giáp Kinh thủy lợi cạnh ngang 35.3m (M1M1');

+ Phía Nam giáp phần đất ông Chu Hồng Hà cạnh dài 216m (N7M1');

+ Phía Bắc giáp phần đất ông Nguyễn Văn Dũng cạnh dài 216.36m (N1M1);

- Giao phần đất có diện tích 6.417,24m² tại thửa số 255, 256, tờ bản đồ số 06 của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Lê Thị Gân được UBND thị xã Cà Mau cấp ngày 12/03/1990 tọa lạc tại ấp T, xã L, thành phố C, tỉnh C . cho ông Lâm Văn H tiếp tục quản lý, sử dụng, phần đất có tứ cận như sau:

Đối với đất ONT + CLN gồm các điểm M3'M6'N4N3, vị trí cụ thể:

+ Phía Đông giáp lộ nhựa ngang 32.82m (M3'M6);

+ Phía Tây giáp phần đất LUC (chia ông H) cạnh ngang 26.66m (N3N4);

+ Phía Nam giáp phần ông C1 được nhận dài 70.87m (M6'N4);

+ Phía Bắc giáp phần đất ông C1 được nhận 70.50m (M3'N3).

Đối với đất LUC gồm các điểm N3N5N6N2, vị trí cụ thể:

+ Phía Đông giáp phần đất ONT + CLN của ông H, ông C1 được nhận ngang 63.66m (N3N5);

+ Phía Tây giáp phần đất ông Chu Hồng Hà (30m) và giáp phần đất LUC của ông C1 được nhận (32.88) cạnh ngang 62.88m (N2N6);

+ Phía Nam giáp phần đất ông Phạm Thành Sỹ cạnh dài 71.11m (N5N6);

+ Phía Bắc giáp phần đất ông C1 được nhận cạnh dài 65,20m (N3N2).

Kèm theo Trích đo hiện trạng ngày 23/8/2019 (BL 297 và BL 296).

Các đương sự được quyền liên hệ với cơ quan chức năng để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Buộc ông Lâm Văn H có trách nhiệm hoàn trả cho ông Lâm Phi C1 số tiền 1.094.186.000 đồng.

- Buộc ông Lâm Văn H có trách nhiệm hoàn trả tiền chi phí thẩm định và định giá cho ông Lâm Phi C1 số tiền là 2.877.200 đồng.

Kể từ ngày ông C1 có đơn yêu cầu thi hành án, ông H không tự nguyện thi hành xong các khoản tiền trên thì hàng tháng phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Ông Lâm Phi C1 được miễn.

Ông Lâm Văn H phải nộp 85.217.000 đồng (Chưa nộp).

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lâm Văn H, bà Huỳnh Thị Thu E mỗi người phải chịu 300.000đ, ông H và bà Thu E đã dự nộp mỗi người 300.000đ theo các biên lai số 0000899, 0000898 cùng ngày 11/10/2019 được chuyển thu đối trừ. Ông Lâm Phi C1 không phải chịu.

Các quyết định khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT, (TM:TANDTCM).

Hoàng Thị Hải Hà